

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15/8/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tin
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân khu vực 5 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 107/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1986;
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Trần Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Duy H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2026, các tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn là bà Trần Thị P trình bày:*

Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Duy H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 29/01/2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải

nhưng vẫn không thể hàn gắn, bà P và ông H đã sống ly thân hơn 01 năm. Nay bà P yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Duy H.

Về con chung: Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Duy H có 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 12/12/2017 và Nguyễn Anh K1, sinh ngày 11/02/2022. Hiện nay bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Anh K và Nguyễn Anh K1. Khi ly hôn bà P yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Duy H không có văn bản trình bày ý kiến.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147, 208, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4, 7, 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 12/12/2017 và Nguyễn Anh K1, sinh ngày 11/02/2022 cho bà Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Duy H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi; chưa cấp dưỡng nuôi cháu K.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Duy H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là bà Trần Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Duy H tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện N (nay là xã Đ) tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2018 ngày 29/01/2018 nên hôn nhân của bà P và ông H là hợp pháp. Theo bà P trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau; bà và ông H đã sống ly thân hơn 01 năm, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay bà P thấy tình cảm của bà với ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Duy H. Về phía ông H, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H từ chối nhận. Ông H không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà P. Xét hôn nhân của bà P và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P về việc yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Duy H.

[2.2] *Về con chung:* Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Duy H có 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 12/12/2017 và Nguyễn Anh K1, sinh ngày 11/02/2022. Hiện nay bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Anh K và Nguyễn Anh K1. Xét yêu cầu của bà P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà P hiện đang làm công nhân tại Công ty M, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, ngoài thời gian đi làm thì về chăm sóc các con nên có đủ điều kiện nuôi 02 cháu K và K1. Mặc khác, ông H không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng các con. Cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con và nguyện vọng của con được sống chung với mẹ nên giao 02 con chung Nguyễn Anh K và Nguyễn Anh K1 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Trần Thị P yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Anh K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Theo bà P trình bày ông H làm nghề lao động tự do, ngày làm ngày nghỉ nên thu nhập không ổn định; thu nhập hàng của ông H bao nhiêu bà P không biết. Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà P buộc ông Nguyễn Duy H phải cấp

dưỡng nuôi con Nguyễn Anh K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2026.

Bà Trần Thị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Anh K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Duy H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà Trần Thị P trình bày không có; ông Nguyễn Duy H không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] *Về án phí*: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Duy H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4, Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị P được ly hôn ông Nguyễn Duy H.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 12/12/2017 và Nguyễn Anh K1, sinh ngày 11/02/2022 cho bà Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Duy H phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Anh K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu Nguyễn Anh K1 đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Anh K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Duy H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà Trần Thị P trình bày không có, ông Nguyễn Duy H không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí*: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001337 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Duy H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- UBND xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa